



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Giải pháp phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang

Phạm Thế Vinh*

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Tiền Giang

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Phạm Thế Vinh (email: phamthevinhtg@gmail.com)

Ngày nhận bài: 21/12/2024

Ngày phân biên: 10/1/2025

Ngày duyệt bài: 8/2/2025

Title: Economic and urban development solutions for 3 regions of Tien Giang Province

Keywords: economy, 03 regions, urban

Từ khóa: đô thị, kinh tế, 03 vùng

ABSTRACT

Implementing Resolution 10-NQ/TU dated April 5, 2017 on economic - urban development of 03 regions of Tien Giang Province, the implementation work has been carried out synchronously, mobilizing the participation of the entire political system, experts, scientists and people, creating a breakthrough in socio-economic and urban development. By the end of 2024, the economy will grow by 7.02% (target 7.0 - 7.5%), GRDP per capita will reach 76.4 million VND (Resolution 75.8 - 76.2 million VND). Total export turnover will reach 6 billion USD (120% of the plan), total social development investment capital will reach 51.1 trillion VND (101.4% of the plan), budget revenue will be 11,785 billion VND (133.9% of the plan), budget expenditure will be 21,989.6 billion VND (152.1% of the plan). The number of newly established enterprises is 927 (104.2% of the plan). However, regional linkages in agricultural production and consumption are still limited, large-scale production is slow to deploy, infrastructure is not synchronous, farmers spontaneously change crops and livestock, causing imbalances in supply and demand. Connections between sectors, industries and localities are not tight, and the driving force areas are not clearly identified. Coordination and support from specialized agencies are still limited. The study proposes solutions to continue researching and flexibly applying the motto: "Harmoniously combining inheritance, stability with innovation and development; between universality and specificity; between the general and the particular" in which, Party committees, authorities, departments, branches, the Fatherland Front and organizations implement a number of tasks and solutions for economic and urban development

in 03 regions of Tien Giang Province to contribute to political stability, promote economic growth, develop culture - society, maintain national defense and security of localities and bases in a sustainable direction.

TÓM TẮT

Thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 05/4/2017 về phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang, công tác triển khai được thực hiện đồng bộ, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, chuyên gia, nhà khoa học và nhân dân, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, đô thị. Cuối năm 2024, kinh tế tăng trưởng 7,02% (mục tiêu 7,0 - 7,5%), GRDP bình quân đầu người đạt 76,4 triệu đồng (Nghị quyết 75,8 - 76,2 triệu đồng). Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 6 tỷ USD (120% kế hoạch), vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 51,1 nghìn tỷ đồng (101,4% kế hoạch), thu ngân sách 11.785 tỷ đồng (133,9% kế hoạch), chi ngân sách 21.989,6 tỷ đồng (152,1% kế hoạch). Số doanh nghiệp thành lập mới 927 (104,2% kế hoạch). Tuy nhiên, liên kết vùng trong sản xuất, tiêu thụ nông sản còn hạn chế, sản xuất quy mô lớn triển khai chậm, hạ tầng chưa đồng bộ, nông dân tự phát chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, gây mất cân đối cung - cầu. Kết nối giữa các lĩnh vực, ngành và địa phương chưa chặt chẽ, chưa xác định rõ vùng động lực. Công tác phối hợp, hỗ trợ của cơ quan chuyên môn còn hạn chế. Nghiên cứu đề xuất giải pháp tiếp tục nghiên cứu, vận dụng linh hoạt theo phương châm: “Kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; giữa tính phổ biến và tính đặc thù; giữa cái chung và cái riêng” trong đó, các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang nhằm góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của địa phương và cơ sở theo hướng bền vững.

1. GIỚI THIỆU

Tiền Giang có vị trí địa lý thuận lợi, là cửa ngõ của vùng Kinh tế phía Nam với vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), thuận lợi trong thu hút đầu tư, liên kết phát triển cùng các vùng kinh tế của cả nước. Trong nội tỉnh, có các tiềm năng, lợi

thế về điều kiện tự nhiên, đất đai, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực,... quá trình phát triển đã tạo ra các yếu tố của 03 vùng kinh tế - đô thị như: Vùng Trung tâm (thành phố Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo và huyện Châu Thành); Vùng phía Tây (thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè và huyện Tân

Phước); Vùng phía Đông (thành phố Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông).

Để tiếp tục sử dụng nguồn lực đạt hiệu quả cao, tập trung đầu tư có trọng điểm, phù hợp với lợi thế so sánh của từng tiểu vùng, từng địa phương trong tỉnh và phát huy nội lực của tỉnh; đồng thời, liên kết vùng ĐBSCL, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và hội nhập với quốc tế hiệu quả hơn, cần có chủ trương thống nhất để định hướng liên kết, tập trung các nhiệm vụ, giải pháp khả thi để phát triển các vùng trong tỉnh trên cơ sở tiếp tục cụ thể hóa thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 1762/QĐTTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ) gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhiệm kỳ 2025 – 2030 [1],[2]. Từ yêu cầu đó, tỉnh Tiền Giang định hướng về phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Nghiên cứu áp dụng nhiều phương pháp như như phương pháp luận, phương pháp thu thập số liệu, phương pháp định lượng, phương pháp điều tra, phương pháp thực nghiệm, phương pháp phân tích tổng hợp,...

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Một số kết quả nổi bật

Các cấp ủy, chính quyền, đặc biệt là các địa phương của mỗi vùng đã cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thành chương trình, kế hoạch và lộ trình thực hiện cụ thể gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ đã đề ra. Một số chỉ tiêu đạt kết quả rất phấn khởi, khá ấn tượng; hình

thành được chuỗi liên kết, phát triển theo hướng khai thác đúng tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đã liên kết phát triển theo quy mô diện tích và chuỗi giá trị có thương hiệu hàng hóa, đủ sức cạnh tranh gắn với mở rộng thị trường trên cơ sở triển khai hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Đề án cất vù, chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng ở các huyện phía Đông của tỉnh đến năm 2025; đã triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cấu trúc ngành công nghiệp của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp, hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định, tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có qui mô khá; đầu tư phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, siêu thị, các dịch vụ y tế, giáo dục tại vùng trung tâm; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị cơ bản hoàn thiện đồng bộ tại các đô thị trung tâm của cả 3 vùng kinh tế - đô thị, phù hợp với đặc thù, quy mô phát triển của từng vùng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc liên kết vùng trong phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản chưa đạt được kết quả theo Nghị quyết; sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, cánh đồng lớn thực hiện còn chậm, hạ tầng chưa đồng bộ, còn nhỏ lẻ, manh mún; có lúc, có nơi nông dân tự phát chuyển đổi cây trồng, vật nuôi một cách ồ ạt không theo định hướng quy hoạch dẫn đến nguồn cung vượt cầu. Tính kết nối, liên kết giữa các lĩnh vực, giữa các ngành và các địa phương chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ, chưa xác định rõ vùng động lực, vùng trung tâm để tạo sức lan tỏa trong phát triển; công tác phối hợp, hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh cho các

Vùng và các địa phương còn hạn chế, thiếu tính chủ động để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Việc triển khai đầu tư hạ tầng các khu - cụm công nghiệp và các dự án phát triển các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch còn chậm; hiệu quả hoạt động của một số hợp tác xã chưa cao, quy mô, năng lực cạnh tranh còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, thiếu đào tạo chuyên sâu.

Những hạn chế nêu trên chủ yếu là do dịch Covid-19 bùng phát, việc áp dụng các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội tạo thách thức đối với hoạt động sản xuất, cung ứng nông sản; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh mới bắt đầu, chưa tạo bước đột phá trong nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao. Công tác hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong từng vùng và giữa các vùng có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, chưa được quan tâm đúng mức; chưa xây dựng được lộ trình, kế hoạch chặt chẽ; việc phân công địa phương làm vai trò đầu mối chưa rõ ràng, cụ thể.

Để phát huy kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, hạn chế nêu trên; trong thời gian tới triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp sau:

3.2 Mục tiêu phát triển

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác đầu tư, thu hút đầu tư tạo động lực mạnh mẽ để tăng trưởng, phát triển kinh tế từng vùng trong tỉnh trên cơ sở liên kết, phát triển nội vùng, liên vùng trong và ngoài tỉnh; tận dụng, huy động cao nhất các nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giảm dần khoảng cách phát triển đối với các địa bàn, vùng còn khó khăn.

- Vùng trung tâm: tiếp tục phát huy vai trò là hạt nhân, kinh tế đầu tàu làm động lực để thúc đẩy

tăng trưởng, hỗ trợ, lôi kéo các vùng trong tỉnh; tập trung ưu tiên đầu tư và liên kết vùng để nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò là đô thị trung tâm của thành phố Mỹ Tho; phát triển đa ngành, lĩnh vực: đô thị, thương mại, dịch vụ, khu - cụm công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch đa dạng.

- Vùng phía Tây: Phát huy vai trò đô thị trung tâm của thị xã Cai Lậy, đến năm 2030 phát triển lên thành phố Cai Lậy; tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ đi qua địa bàn; tăng cường liên kết vùng trong tỉnh và vùng ĐBSCL, khai thác, phát triển nâng cao chuỗi giá trị thương hiệu hàng hóa nông sản như: khóm, sầu riêng, xoài, lúa - gạo...; tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu - cụm công nghiệp, nhất là vùng Tân Phước; thu hút các ngành nghề chế biến lúa - gạo, trái cây, thực phẩm; đồng thời, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái.

- Vùng phía Đông: Phát huy vai trò đô thị trung tâm của thành phố Gò Công; tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối với tuyến Quốc lộ 50, triển khai Tuyến đường bộ ven biển bắc cầu qua huyện Tân Phú Đông kết nối với tỉnh Bến Tre; đầu tư hạ tầng giao thông kết nối để phục vụ phát triển công nghiệp, nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế biển và vùng ven biển có hiệu quả, thu hút đầu tư phát triển các khu - cụm công nghiệp, vận tải biển; phát triển đánh bắt, nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả; hình thành đô thị ven biển; phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch biển,... tạo nền tảng để hình thành khu kinh tế ven biển của tỉnh [3].

3.3 Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Phân đầu tăng trưởng giá trị sản xuất toàn tỉnh đạt bình quân 8,5%/năm; trong đó: vùng trung tâm tăng 7,5%/năm, vùng phía Tây tăng 8,7%/năm, vùng phía Đông tăng trên 12,0%/năm. Đến năm 2030, giá trị sản xuất vùng trung tâm chiếm 52,8%, vùng phía Tây 31,9% và vùng phía Đông 15,3% so với tổng giá trị sản xuất toàn tỉnh [4].

- Thu hút vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: vùng trung tâm 185,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 46,1% so toàn tỉnh), vùng phía Tây 155,9 nghìn tỷ đồng (chiếm 38,8% so toàn tỉnh) và vùng phía Đông 60,9 nghìn tỷ đồng (chiếm gần 15,1% so toàn tỉnh).

- Đến năm 2030, 100% xã duy trì chuẩn nông thôn mới, trong đó 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030, vùng trung tâm đạt 45,9% (toàn tỉnh đạt 45-47%), vùng phía Tây đạt 40,9% và vùng phía Đông đạt 49,7%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2030 theo chuẩn nghèo đa chiều, vùng trung tâm còn 0,67% (toàn tỉnh giảm còn 0,62%), vùng phía Tây còn 0,57% và vùng phía Đông còn 0,76%.

3.3 Giải pháp chủ yếu

Một là: Tiếp tục tăng cường liên kết 3 vùng trong tỉnh và của từng vùng; trong đó, cần đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc nâng cao khả năng và đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đề ra, đặc biệt là các giải pháp liên kết, phối hợp để phát triển đồng bộ, hiệu quả.

Hai là: Khẩn trương hoàn thành, triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đồng thời, cụ thể hóa theo hướng nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; gia tăng năng lực cạnh

tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập, đảm bảo an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống người dân. Tiếp tục triển khai thực hiện theo lộ trình các đề án tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch của tỉnh.

Ba là: Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để phát triển doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, mời gọi đầu tư; xây dựng danh mục dự án đầu tư, thường xuyên tổ chức hội nghị công bố danh mục dự án mời gọi đầu tư mang tính chất trọng điểm, liên kết trong nội vùng và liên vùng... Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội, thu hút tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là vốn, công nghệ, lao động có tay nghề kỹ thuật cao, thực hiện nhất quán, lâu dài các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên thực hiện rà soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết, giảm chi phí tối đa cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh công tác đăng ký kinh doanh qua dịch vụ công trực tuyến; tích cực phối hợp cùng các đơn vị để thực hiện tốt hơn công tác truyền thông, tuyên truyền tới người dân và doanh nghiệp về đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ công trực tuyến; thực hiện tiếp nhận và đăng ký doanh nghiệp qua mạng, các dịch vụ hỗ trợ thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp tại nhà.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi

trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 và những năm tiếp theo. Nghiên cứu các chủ trương, chính sách và giải pháp để nâng cao chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) tỉnh Tiền Giang; tiếp tục tham mưu giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm tăng cường thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; nghiên cứu, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- Tập trung rà soát các quy hoạch, tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công. Thực hiện đầu tư phát triển lưới điện, đảm bảo cung cấp đủ điện đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân; đầu tư xây dựng mạng lưới các tuyến ống chuyên tải nước kết nối với các tuyến ống chính để cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng trong sản xuất và sinh hoạt. Tiếp tục chủ động, tích cực huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn lực từ đất đai, đa dạng hóa đầu tư theo các hình thức PPP, xã hội hóa,... để triển khai thực hiện các dự án phát triển 03 vùng, đặc biệt các dự án quan trọng gắn với phát triển vùng, liên kết vùng.

Bốn là: Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với nâng cao chất lượng đô thị, xây dựng thành phố Mỹ Tho có vai trò là một trong những trung tâm dịch vụ thương mại, logistic, du lịch tại khu vực phía Bắc sông Tiền; đô thị cửa ngõ giữa Thành phố Hồ Chí Minh và vùng ĐBSCL. Phát triển các đô thị động lực đảm bảo hiện đại, thông minh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị kinh tế biển ở Gò Công, vùng đô thị công nghiệp tập trung tại Tân Phước; phát triển đô thị ven biển, đô thị sinh thái ven sông Tiền và cải thiện môi trường đô thị ven sông.

4. KẾT LUẬN

Trên cơ sở tiềm năng của mỗi huyện, thành, thị, tổng hợp các yếu tố để tạo thành lợi thế của từng vùng, năng động, sáng tạo vận dụng các chính sách để khai thác, phát huy tối đa các nguồn lực xã hội, phát triển đồng bộ, có trọng tâm và tạo sự lan tỏa để các địa bàn khó khăn hòa quyện trong sự phát triển chung. Tăng cường phối hợp, nâng cao khả năng dự báo, xác định đúng năng lực 3 vùng trong tỉnh và mỗi địa phương nhằm tạo động lực từng vùng theo lợi thế so sánh để huy động nguồn lực cho phát triển. Đồng thời, có sự đồng thuận và thể hiện tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Chúng ta đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc thì việc liên kết, phát triển kinh tế - đô thị của mỗi vùng gắn liền với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng ĐBSCL và cả nước; gia tăng mối liên kết vùng, liên vùng trong và ngoài tỉnh, qua đó hình thành chuỗi liên kết nội vùng và liên vùng trong tỉnh. Nâng cao năng lực toàn vùng để tạo thế và lực cho Tiền Giang trong cạnh tranh, thích ứng và hội nhập hướng tới phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định số 1762/QĐTTg (2023). *Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Thủ tướng Chính phủ.
- [2] Đảng bộ tỉnh Tiền Giang. *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tiền Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
- [3] Nghị quyết số 10-NQ/TU (2017). *Phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X.

- [4] Nghị quyết số 11-NQ/TU (2017). *Phát triển du lịch tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa X).